

Cao Bằng, ngày 28 tháng 11 năm 2024

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 24

Môn: Phần AV, VI - Nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học và Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Ngày thi: 10/11/2024

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Âu Việt Anh	6,50	Sáu phẩy năm	31	Phan Thị Mai Lan	7,25	Bảy phẩy hai năm
2	Trương Thị Cúc	7,75	Bảy phẩy bảy năm	32	Lý Quang Lê	8,00	Tám
3	Lương Thị Điệp	7,00	Bảy	33	Lục Thị Luyến	8,00	Tám
4	Nông Thế Doãn	6,50	Sáu phẩy năm	34	Hứa Thị Mai	7,25	Bảy phẩy hai năm
5	Hoàng Văn Đức	6,50	Sáu phẩy năm	35	Hoàng Thị Nga	6,75	Sáu phẩy bảy năm
6	Đường Thị Dung	6,75	Sáu phẩy bảy năm	36	Tiêu Thị Hồng Ngân	7,75	Bảy phẩy bảy năm
7	Bế Tuấn Duy	6,75	Sáu phẩy bảy năm	37	Phạm Trung Nghĩa	8,00	Tám
8	Phan Thị Hà	8,00	Tám	38	Đàm Thị Kiều Nha	8,00	Tám
9	Nguyễn Thu Hà	7,50	Bảy phẩy năm	39	Hoàng Thị Oanh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
10	Lý Ích Hào	7,00	Bảy	40	Nguyễn Thanh Phong	8,00	Tám
11	Lưu Thị Hậu	8,00	Tám	41	Lưu Hồng Phong	7,25	Bảy phẩy hai năm
12	Mã Thị Hiền	7,50	Bảy phẩy năm	42	Hoàng Minh Phương	7,25	Bảy phẩy hai năm
13	Chu Văn Hiệu	8,50	Tám phẩy năm	43	Nông Thị Phụng	8,00	Tám
14	Nguyễn Thị Kim Hoa	8,00	Tám	44	Nguyễn Thanh Sơn	7,25	Bảy phẩy hai năm
15	Nông Đình Hoà	7,50	Bảy phẩy năm	45	Bùi Thị Tâm	7,50	Bảy phẩy năm
16	Triệu Thanh Hòa	7,00	Bảy	46	Long Văn Thắng	7,50	Bảy phẩy năm
17	Tô Thị Hòa	8,00	Tám	47	Nguyễn Thị Thu Thảo	7,00	Bảy
18	Hoàng Thị Hòa	7,75	Bảy phẩy bảy năm	48	Hoàng Thị Phương Thảo	8,25	Tám phẩy hai năm
19	Nguyễn Thanh Hoàn	5,00	Năm	49	Vương Quang Thiệp	8,00	Tám
20	Nông Thị Hợi	7,50	Bảy phẩy năm	50	Phùng Quang Thịnh	7,50	Bảy phẩy năm
21	Hoàng Thu Hồng	8,00	Tám	51	Nông Thị Thơ	7,75	Bảy phẩy bảy năm
22	Lý Văn Huấn	6,00	Sáu	52	Nông Thị Thoi	8,00	Tám

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
23	Đỗ Mạnh Hùng	7,50	Bảy phẩy năm	53	Nhan Thị Thương		Hoãn thi
24	Đặng Việt Hưng	7,50	Bảy phẩy năm	54	Nguyễn Văn Tiến	6,00	Sáu
25	Ngô Bằng Hưng	8,00	Tám	55	Hoàng Văn Trung	7,25	Bảy phẩy hai năm
26	Đoàn Thị Hương	7,50	Bảy phẩy năm	56	Lục Quốc Trường	8,00	Tám
27	Đàm Quang Hữu	6,50	Sáu phẩy năm	57	Nguyễn Anh Tú	7,75	Bảy phẩy bảy năm
28	Mã Thị Huyền	8,00	Tám	58	Nguyễn Thị Ngọc Tú	7,50	Bảy phẩy năm
29	Bùi Thị Huyền	8,00	Tám	59	Trần Trương Tuấn	7,50	Bảy phẩy năm
30	Chu Thị Lan	7,50	Bảy phẩy năm	60	Đàm Thị Thủy Vân	7,75	Bảy phẩy bảy năm

Điểm 5,00: 01 điểm; Điểm 6,00: 02 điểm; Điểm 6,50: 04 điểm; Điểm 6,75: 03 điểm; Điểm 7,00: 04 điểm; Điểm 7,25: 06 điểm; Điểm 7,50: 13 điểm; Điểm 7,75: 07 điểm; Điểm 8,00: 17 điểm; Điểm 8,25: 01 điểm; Điểm 8,50: 01 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thu Hằng



Đoàn Thị Vân Thủy




Trịnh Thị Ánh Hoa